

# NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI: QUAN ĐIỂM, XU HƯỚNG VÀ NHỮNG GỢI MỞ

NGUYỄN ĐÌNH TUẤN \*

## 1. Quan điểm phát triển con người của UNDP

Hơn nửa thế kỷ qua, phát triển đã trở thành cơ hội thúc đẩy sự tiến bộ của nhiều quốc gia trên thế giới. Trong chiến lược phát triển, nhiều quốc gia đã đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế lên hàng đầu và coi tăng trưởng kinh tế là chìa khóa của mọi sự phát triển. Xuất phát từ quan điểm đó, đã có giai đoạn khi đánh giá về sự phát triển của mỗi quốc gia hay mỗi cộng đồng người ta thường dựa vào các chỉ số kinh tế và GDP. Tuy nhiên, nếu chỉ dựa vào các chỉ số kinh tế để đánh giá sự phát triển của mỗi quốc gia hay cộng đồng thì không thể phản ánh được đầy đủ các mặt trong đời sống xã hội của con người trong quốc gia hay cộng đồng đó. Nói như thế không có nghĩa là người ta phủ nhận vai trò quan trọng của kinh tế trong quá trình phát triển. Trên thực tế, kinh tế đóng một vai trò quan trọng và là điều kiện không thể thiếu trong quá trình phát triển. Nhưng để đánh giá sự phát triển toàn diện của một quốc gia hay cộng đồng thì rõ ràng các chỉ số kinh tế không phải là thước đo hoàn hảo. Vì tăng trưởng kinh tế mới phản ánh được một mặt của quá trình phát triển xã hội loài người, mà con người thì không chỉ bó hẹp trong quan hệ kinh tế và nhu cầu vật chất, con người còn có những nhu cầu khác như học tập, chăm sóc sức khỏe, tham gia các hoạt động xã hội,... Xuất phát từ những yếu tố đó, những năm cuối thế kỷ XX, các nhà khoa học trên thế giới đã nghiên cứu để tìm ra cách thức tiếp cận mới có thể phản ánh một cách đầy đủ hơn về phát triển. Một trong những cách tiếp cận được cộng đồng quốc tế chấp nhận và phản ánh khá bao quát sự đa dạng của quá trình phát triển đó là cách tiếp cận dựa vào phát triển con người.

Năm 1990, Báo cáo phát triển con người (Human Development Report - HDR) của Chương trình phát triển Liên hiệp quốc (United Nations Development Programme - UNDP) được xuất bản đánh dấu một bước quan trọng trong việc khẳng định vai trò của con người trong phát triển. Bước ngoặt là ở chỗ, nó thể hiện cách nhìn nhận về phát triển thấu đáo hơn, toàn diện hơn và nhân văn hơn. Trong báo cáo này, UNDP đã đưa ra tuyên ngôn đầy ấn tượng “*của cải đích thực của một quốc gia là con người của quốc gia đó. Và mục đích của phát triển là để tạo ra một môi trường thuận lợi cho phép con người được hưởng cuộc sống lâu dài, khỏe mạnh và sáng tạo*”<sup>1</sup>.

\* TS.; Viện Nghiên cứu Con người.

<sup>1</sup> UNDP, *Human Development Report 1990*, Oxford University Press, 1990, tr. 9.



Quan điểm về phát triển con người của UNDP đưa ra trong báo cáo phát triển con người năm 1990 thể hiện rõ hai khía cạnh, đó là *mở rộng các cơ hội* và *nâng cao năng lực lựa chọn của con người*. Mở rộng các cơ hội có nghĩa là mở rộng không gian lựa chọn cho mỗi con người để họ có thể tiếp cận với đời sống kinh tế tốt hơn, tiếp cận với giáo dục và các dịch vụ y tế tốt hơn, có môi trường sống tốt hơn,... Còn nâng cao năng lực cho con người được coi là điều kiện cần thiết để chuyển những cơ hội thành hiện thực. Nâng cao năng lực cho con người ở đây trước hết là năng lực về sinh thể và năng lực về tinh thần (năng lực sinh thể là nâng cao sức khỏe cho con người; năng lực tinh thần là nâng cao kiến thức, kỹ năng cho con người). Khi con người có năng lực sẽ có nhiều cơ hội lựa chọn hơn trong cuộc sống và đôi khi chính năng lực sẽ tạo ra những cơ hội mới để con người có thể lựa chọn.

Ngoài ra, UNDP cũng chỉ ra ba thành tố cơ bản trong phát triển con người, đó là: *của con người, cho con người và bởi con người*. Tuy nhiên, sự phát triển này phải đến với các thế hệ tương lai. Do đó, có thể xác định mô hình phát triển con người bền vững gồm bốn thành tố:

*Thứ nhất*, phát triển của con người ở đây mang ý nghĩa là tăng cường năng lực và sức khỏe cho con người để họ có thể tham gia vào các hoạt động của cuộc sống. Ngoài ra, tăng cường năng lực cũng giúp cho con người có thể tiến hành các hoạt động mang lại năng suất cao và sự sáng tạo.

*Thứ hai*, phát triển cho con người có nghĩa là tất cả mọi người đều có cơ hội bình đẳng trong tiếp nhận các nguồn lợi do tăng trưởng kinh tế mang lại (điều này thể hiện sự bình đẳng trong cơ hội tiếp cận các nguồn lợi).

*Thứ ba*, phát triển bởi con người nhấn mạnh đến cơ hội tham gia của mọi người vào quá trình phát triển. Ở đây có nghĩa rằng, tất cả các thành viên trong xã hội đều có cơ hội tham gia vào các hoạt động, sự kiện và được quyết định các công việc có tác động tới cuộc sống của họ.

*Thứ tư*, phát triển phải mang tính bền vững. Điều đó có nghĩa rằng, phát triển ở hiện tại phải đảm bảo không gây tác động tiêu cực đến các thế hệ tương lai.

Như vậy, có thể thấy quan niệm phát triển con người của UNDP phản ánh một cách khá bao quát những vấn đề về năng lực tự nhiên và năng lực xã hội của con người, quan niệm cũng nhấn mạnh cần phải mở rộng cơ hội lựa chọn và nâng cao năng lực lựa chọn cho mỗi người theo ba tiêu chí: một cuộc sống có đời sống vật chất đầy đủ, có học vấn, khỏe mạnh và trường thọ. Với quan niệm này, UNDP đã xây dựng một khái niệm mới về phát triển con người một cách khá chi tiết, trong đó, con người được coi là thước đo đánh giá sự tiến bộ xã hội và là mục tiêu tối thượng mà mỗi quốc gia, cộng đồng hướng tới.

## **2. Xu hướng nghiên cứu về phát triển con người trên thế giới**

### **2.1. Xây dựng báo cáo phát triển con người toàn cầu**

Báo cáo phát triển con người (HDR) năm 1990 của UNDP không chỉ khẳng định vai



trò quan trọng của con người trong quá trình phát triển mà còn đánh dấu một bước tiến trong cách tính toán trình độ, khả năng phát triển con người của mỗi quốc gia. Thông qua đó, có thể xếp hạng trình độ phát triển của từng vùng lãnh thổ hay từng quốc gia. Hệ tiêu chí được UNDP đưa ra để đo đạc, đánh giá gồm hàng loạt các chỉ số thành phần phản ánh chất lượng sống, năng lực sinh thể và năng lực tinh thần của con người. Cụ thể ở đây được phản ánh thông qua ba chỉ số cơ bản: chỉ số kinh tế, chỉ số giáo dục và chỉ số tuổi thọ.

Những năm tiếp theo, UNDP đưa thêm các chỉ số khác như: HPI (Human Poverty Index - chỉ số nghèo khả năng phát triển con người hay còn được gọi là chỉ số nghèo khổ tổng hợp); GDI (Gender - related Development Index - chỉ số phát triển liên quan tới giới) và GEM (Gender Empower Measure - chỉ số đo lường sự trao quyền giới); IHDI (Inequality-adjusted Human Development Index - chỉ số phát triển con người có sự điều chỉnh bất bình đẳng); GII (Gender Inequality Index - chỉ số bất bình đẳng giới); MPI (Multidimensional Poverty Index - chỉ số nghèo đa chiều),... nhằm làm rõ thêm những khía cạnh xã hội của sự phát triển con người. Đây được coi là những bổ sung quan trọng để có thể đánh giá một cách hoàn thiện hơn về mức độ phát triển con người. Bên cạnh việc bổ sung thêm các chỉ số, năm 2000, UNDP còn đưa ra các Mục tiêu thiên niên kỷ (Millennium Development Goals - MDGs), các mục tiêu này nhằm hướng tới mục tiêu phát triển con người một cách bền vững. So với phát triển con người, MDGs chứa đựng ít nội dung hơn và có những mục tiêu mới thể hiện ở mức độ cơ bản.

Kể từ năm 1990 đến nay, với quan điểm hướng đến mục tiêu phát triển con người bền vững, hàng năm, UNDP đã cho xuất bản Báo cáo phát triển con người thường niên với những chủ đề khác nhau:

- Quan điểm phát triển con người và thước đo phát triển con người (HDR 1990);
- Tài trợ cho sự phát triển (HDR 1991);
- Những thước đo toàn cầu cho sự phát triển (HDR 1992);
- Sự tham gia của tất cả mọi người (HDR 1993);
- Những thước đo mới của an ninh con người (HDR 1994);
- Giới và sự phát triển con người (HDR 1995);
- Tăng trưởng kinh tế và sự phát triển con người (HDR 1996);
- Sự phát triển con người với xóa đói giảm nghèo (HDR 1997);
- Tiêu dùng cho sự phát triển con người (HDR 1998);
- Toàn cầu hóa với thể diện con người (HDR 1999);
- Quyền con người và phát triển con người (HDR 2000);
- Ứng dụng công nghệ mới cho phát triển con người (HDR 2001);
- Cùng cố dân chủ trong một thế giới bị phân ly (HDR 2002);
- Các mục tiêu thiên niên kỷ: thỏa thuận giữa các nước nhằm xóa bỏ tình trạng nghèo khổ (HDR 2003);



- Tự do văn hóa trong thế giới đa dạng ngày nay (HDR 2004);
- Hợp tác quốc tế trước ngã rẽ: Viện trợ, thương mại và an ninh trong một thế giới bất bình đẳng (HDR 2005);
- Không chỉ là sự khan hiếm: Quyền lực, đói nghèo và cuộc khủng hoảng nước sạch toàn cầu (HDR 2006);
- Cuộc chiến chống biến đổi khí hậu: đoàn kết nhân loại cho một thế giới phân cách (HDR 2007/2008);
- Những trở ngại đang tới: Di dân và phát triển con người (HDR 2009);
- Cửa cái thực sự của các quốc gia: Đường đi tới phát triển con người (HDR 2010);
- Bền vững và công bằng: Một tương lai tốt đẹp hơn cho tất cả mọi người (HDR 2011);
- Sự trỗi dậy của các nước Nam bán cầu: Tiến bộ về con người trong một thế giới đa dạng (HDR 2013).

Có thể nói, những chủ đề và các nội dung mà Báo cáo phát triển con người của UNDP đề cập qua các năm không phải là sự lựa chọn ngẫu nhiên, mà nó phản ánh thực tế những thách thức đối với phát triển con người trong từng giai đoạn phát triển. Thông qua các Báo cáo phát triển con người cho thấy, các thách thức đối với phát triển con người không chỉ đơn thuần gói gọn trong phạm vi quốc gia hay vùng lãnh thổ mà nó mang tính toàn cầu. Do đó, để phát triển con người một cách bền vững đòi hỏi các quốc gia cần phải có những chiến lược mang tính toàn cầu. Trong các Báo cáo phát triển con người của UNDP cũng đã đưa ra quan niệm phát triển con người, phân tích những chiều cạnh tác động đến phát triển con người và đưa ra những đề xuất nhằm hướng đến mục tiêu phát triển con người bền vững.

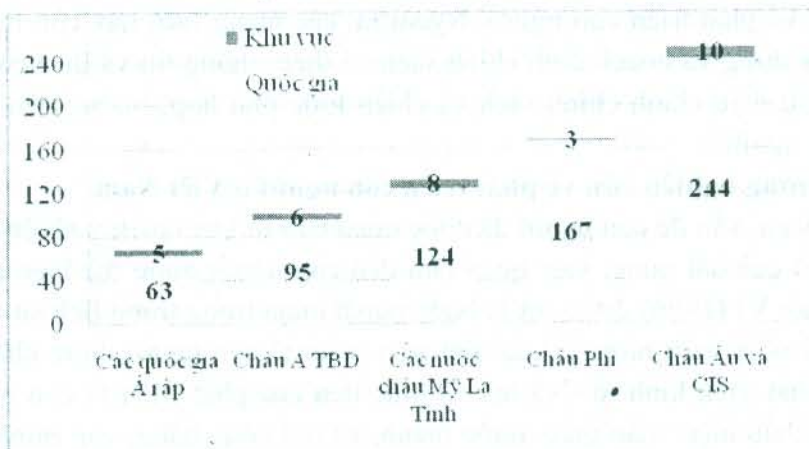
## **2.2. Xây dựng báo cáo phát triển con người khu vực và cấp quốc gia**

Bên cạnh báo cáo phát triển con người thường niên của UNDP, còn có nhiều báo cáo phát triển con người cấp khu vực và cấp quốc gia được triển khai nghiên cứu, tính toán và công bố. Báo cáo phát triển con người cấp khu vực và cấp quốc gia thường được phân tích theo các chiều cạnh khác nhau với những đặc thù mang đặc trưng khu vực và quốc gia xây dựng báo cáo phát triển con người, qua đó gợi mở các chính sách nhằm tác động đến chiến lược, kế hoạch phát triển của khu vực và quốc gia, hướng đến mục tiêu phát triển con người bền vững.

Tính đến nay đã có hơn 130 quốc gia trên thế giới xây dựng báo cáo phát triển con người với 693 báo cáo cấp quốc gia và cấp địa phương được xuất bản. Bên cạnh đó, còn có 32 báo cáo phát triển con người cấp vùng, khu vực,... Điều này cho thấy vấn đề nghiên cứu con người và phát triển con người đã nhận được sự quan tâm đặc biệt của các quốc gia trên thế giới. Việc xây dựng báo cáo phát triển con người của các quốc gia, các vùng,... đều vận dụng quan niệm phát triển con người và phương pháp tính toán của UNDP.



**Hình 1: Báo cáo phát triển con người chia theo khu vực**



Nguồn: <http://hdr.undp.org>

Theo thống kê, tính đến thời điểm hiện tại, các nước thuộc khu vực châu Âu và CIS là nơi có số lượng báo cáo phát triển con người nhiều nhất (254 báo cáo), tiếp đến là khu vực châu Phi (170 báo cáo), khu vực châu Mỹ La tinh (124 báo cáo), khu vực châu Á Thái Bình Dương (101 báo cáo) và thấp nhất là các quốc gia Ả rập (68 báo cáo).

Qua báo cáo phát triển con người, các quốc gia đã xây dựng các chiến lược, chính sách hành động đề hướng đến mục tiêu phát triển con người bền vững. Các chủ đề báo cáo phát triển con người hàng năm của các quốc gia, các khu vực trên thế giới rất đa dạng. Tuy nhiên, các chủ đề thường xoay quanh các vấn đề về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, môi trường, dân chủ, bình đẳng và an sinh xã hội. Chủ đề báo cáo phát triển con người của mỗi quốc gia cũng thường gắn với đặc trưng của vùng. Chẳng hạn, khu vực Đông Âu và cộng đồng các quốc gia độc lập (CIS) thường quan tâm đến những vấn đề như vai trò của nhà nước, chính sách công, công nghệ thông tin và viễn thông (ICT), tri thức, giáo dục và an ninh con người,... còn khu vực châu Phi lại quan tâm đến những vấn đề nghèo đói, môi trường, dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe, HIV/AIDS,...

Các báo cáo phát triển con người thường được gắn với những vấn đề mang tính thời sự, nổi cộm, nóng bỏng mà cộng đồng thế giới cũng như các quốc gia đang phải đối mặt trong quá trình phát triển. Báo cáo phát triển con người của các quốc gia thường mang theo những thông điệp gửi gắm đến các nhà lãnh đạo, cách nhà hoạch định chính sách,... và cả những người dân hướng đến những hành động cụ thể nhằm mục tiêu phát triển xã hội một cách bền vững.

Cùng với các báo cáo phát triển con người toàn cầu, khu vực và quốc gia, nhiều quốc gia còn thành lập mạng lưới nghiên cứu, đánh giá về phát triển con người như: mạng lưới Báo cáo phát triển con người (HDR-Net); tổ chức mạng lưới phát triển con người Philippines (HDN); mạng lưới về Thống kê Báo cáo phát triển con người (HDRStat-Net) và mạng lưới Phát triển con người khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (AP-HD



Net),... Các mạng lưới này cùng hướng đến mục đích chia sẻ tri thức và kinh nghiệm nghiên cứu về phát triển con người. Ngoài ra, các mạng lưới này còn hướng đến giúp các nhà xây dựng và hoạch định chính sách có thêm thông tin và dữ liệu về phát triển, qua đó có sự điều chỉnh chính sách và chiến lược phù hợp, hướng đến mục tiêu phát triển vì con người.

### 3. Xu hướng nghiên cứu về phát triển con người ở Việt Nam

Ở Việt Nam, vấn đề con người đã được quan tâm từ khá lâu, tuy nhiên trong mỗi giai đoạn lịch sử của đất nước, việc quan tâm đến con người được thể hiện một cách khác nhau. Đại hội VI (1986) được coi là bước ngoặt quan trọng trong lịch sử nước ta, mở ra một thời kỳ phát triển mới. Tại đại hội này, nhân tố con người được khẳng định trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội và mục tiêu của phát triển vì con người được thể hiện trong khẩu hiệu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”. Chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước đã mang lại cho mỗi người dân nhiều cơ hội trong phát triển và tạo ra môi trường khuyến khích tính chủ động của mỗi cá nhân. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991), vai trò của con người trong phát triển kinh tế - xã hội tiếp tục được khẳng định, các mục tiêu phát triển được gắn liền với nhân tố con người và vì con người. “Mục tiêu của chính sách xã hội thống nhất với mục tiêu phát triển kinh tế, đều nhằm phát huy sức mạnh của nhân tố con người và vì con người. Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với sự phát triển văn hóa, xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần của nhân dân. Coi phát triển kinh tế là tiền đề để thực hiện chính sách xã hội, thực hiện tốt các chính sách xã hội là động lực phát triển kinh tế”<sup>2</sup>.

Đảng ta khẳng định chế độ xã hội chủ nghĩa là chế độ “do nhân dân lao động làm chủ”. Vì vậy, phương hướng và mục tiêu lớn nhất của chính sách xã hội là “phát huy nhân tố con người trên cơ sở đảm bảo công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân, kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội, giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần, giữa đáp ứng nhu cầu trước mắt với chăm lo lợi ích lâu dài, giữa cá nhân với tập thể và cộng đồng xã hội”<sup>3</sup>. Đây là quan điểm phát triển mang tính hài hòa kết hợp giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội, trong đó tạo ra một môi trường xã hội công bằng và bình đẳng cho mọi người.

“Con người là vốn quý nhất, phát triển con người với tư cách vừa là động lực vừa là mục tiêu của cách mạng, của sự nghiệp đổi mới đất nước; gắn vấn đề nhân tố con người với tinh thần nhân văn nhằm tạo điều kiện cho con người phát triển toàn diện, sống trong một xã hội công bằng và nhân ái, với những quan hệ xã hội lành mạnh. Con người và sự phát triển con người được đặt vào vị trí trung tâm của chiến lược kinh tế - xã hội,

<sup>2</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.279.

<sup>3</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, tr.13.



mở rộng cơ hội, nâng cao điều kiện cho con người phát triển”<sup>4</sup>. Đó là quan điểm của Đảng và Nhà nước được đúc kết từ kinh nghiệm thực tiễn sau 20 năm đổi mới đất nước.

Như vậy, có thể thấy quan điểm xuyên suốt của Đảng và Nhà nước ta trong quá trình đổi mới đó là phát triển vì con người và do con người. Cũng chính từ sau Đổi mới, vấn đề nghiên cứu về con người và phát triển con người ở nước ta được chú trọng hơn. Điều đó được thể hiện ở một số chiều cạnh dưới đây:

### **3.1. Xây dựng báo cáo phát triển con người**

#### **\* Báo cáo phát triển con người quốc gia**

Xuất phát từ những nhu cầu thực tiễn về nghiên cứu con người và phát triển con người, đã có nhiều cơ quan quản lý và cơ quan khoa học ở nước ta nghiên cứu về vấn đề này. Trong đó, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam (Viện Hàn lâm) được coi là một trong những cơ quan đầu ngành nghiên cứu về phát triển con người và cũng là nơi chủ trì xây dựng Báo cáo phát triển con người Việt Nam. Tính đến nay, Viện Hàn lâm đã ba lần xuất bản báo cáo phát triển con người Việt Nam. Đây có thể coi là những thành công đáng được ghi nhận của Viện Hàn lâm nói chung và của những người trực tiếp tham gia xây dựng viết báo cáo phát triển con người Việt Nam nói riêng.

Báo cáo phát triển con người Việt Nam lần đầu tiên được xuất bản vào năm 2001, với chủ đề: “Đổi mới và sự nghiệp phát triển con người”. Báo cáo đã đi vào phân tích những tác động của quá trình đổi mới với phát triển con người Việt Nam cũng như những thách thức đối với sự nghiệp phát triển con người Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Từ đó, báo cáo đã đưa ra những định hướng chính sách cơ bản trong tiến trình tiếp tục đổi mới vì sự nghiệp phát triển con người Việt Nam.

*Báo cáo phát triển con người năm 2001* cũng đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc tính toán, đo lường chỉ số phát triển con người của 61 tỉnh/thành<sup>5</sup> nước ta. Bên cạnh đó, các chỉ số liên quan như chỉ số HPI (chỉ số nghèo khổ tổng hợp), chỉ số GDI (chỉ số phát triển giới) cũng được tính toán cho 8 vùng và 61 tỉnh/thành trong cả nước. Báo cáo đã cho thấy bức tranh chung về thực trạng phát triển con người của các vùng miền và 61 tỉnh/thành trong cả nước. Với những kết quả đạt được, *Báo cáo phát triển con người năm 2001* của Việt Nam đã được Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) trao giải báo cáo chính sách tốt nhất năm 2002.

Năm 2006, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (nay là Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam) và Chương trình Phát triển Liên hợp quốc công bố phần 1 của Báo cáo phát triển con người lần thứ hai với chủ đề: “Phát triển con người Việt Nam 1999 - 2004: những thay đổi và xu hướng chủ yếu”. Phần báo cáo này tập trung phân tích những thành tựu về phát triển con người ở Việt Nam từ quá trình đổi mới cho đến nay. Giống

<sup>4</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), Ban Chấp hành Trung ương, Ban tổng kết chỉ đạo lý luận, “Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986-2006)”, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.79.

<sup>5</sup> Các tỉnh Điện Biên, Đắk Nông, Hậu Giang chưa được thành lập.



như *Báo cáo phát triển con người năm 2001*, trong báo cáo này cũng đưa ra số liệu tính toán về chỉ số phát triển con người (HDI), chỉ số HPI (chỉ số nghèo khổ tổng hợp), chỉ số GDI (chỉ số phát triển giới) của các vùng miền và 64 tỉnh/thành trong cả nước. Tuy nhiên, các số liệu ở đây được thể hiện trong 2 năm (1999 và 2004), qua đó, báo cáo đã phân tích một cách khá sâu sắc những thay đổi và xu hướng chủ yếu trong phát triển con người Việt Nam giai đoạn 1999 - 2004. Cùng với việc so sánh theo thời gian, theo vùng, theo tỉnh thành trong cả nước về chỉ số phát triển con người, báo cáo còn có những so sánh với các nước trong khu vực Đông Nam Á và châu Á để có thể thấy được những thay đổi trong phát triển con người của Việt Nam so với các nước khác trong khu vực<sup>6</sup>.

Đến năm 2011, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam công bố Báo cáo phát triển con người Việt Nam lần thứ ba. Báo cáo tập trung phân tích những điểm nổi bật trong phát triển con người Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010, trên các phương diện: kinh tế, xã hội và môi trường. Báo cáo đã khẳng định những thành tựu đạt được và chỉ ra những điểm còn hạn chế trong phát triển con người ở Việt Nam trong giai đoạn 2001 - 2010. Tương tự các báo cáo phát triển con người trước đó, các chỉ số HDI, HPI, GDI đều được tính toán cho các vùng miền và 63 tỉnh/thành<sup>7</sup>. Từ những kết quả phân tích về phát triển con người trong giai đoạn 2001 - 2010, báo cáo năm 2011 đưa ra những khuyến nghị chính sách đối với Đảng và Nhà nước nhằm hướng đến mục tiêu phát triển bền vững vì con người trong giai đoạn 2011 - 2020.

Cũng trong năm 2011, bên cạnh *Báo cáo phát triển con người Việt Nam* được Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam công bố, UNDP cũng công bố *Báo cáo Quốc gia về phát triển con người* với chủ đề: “Dịch vụ xã hội phục vụ phát triển con người”. Báo cáo tập trung vào phân tích những thách thức mà người dân Việt Nam phải đối mặt trong tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản. Sự gia tăng về bất bình đẳng trong kinh tế đang có ảnh hưởng to lớn đến chi tiêu cho y tế và giáo dục của nhiều hộ gia đình ở Việt Nam. Chính điều này là rào cản đối với phát triển con người ở Việt Nam trong giai đoạn tới. Vì vậy, để phát triển con người ở Việt Nam tiếp tục đạt được những tiến bộ, báo cáo nhấn mạnh việc cần phải đảm bảo tiếp cận toàn dân và công bằng về dịch vụ y tế và giáo dục. Báo cáo của UNDP cũng công bố chỉ số HDI, HPI, GDI cấp vùng và cấp tỉnh. Ngoài ra, báo cáo của UNDP còn tính toán thêm chỉ số nghèo đói đa chiều (MPI) cho các tỉnh thành và các vùng ở nước ta.

\* *Báo cáo, nghiên cứu phát triển con người cấp địa phương*

Có thể nói, với sự ra đời của *Báo cáo phát triển con người Việt Nam năm 2001*, cùng với việc Ban Khoa giáo Trung ương kết hợp với Chương trình KX.05 tổ chức lớp tập

<sup>6</sup> *Báo cáo phát triển con người Việt Nam năm 2006* (báo cáo gồm hai phần. Tuy nhiên, thời điểm đó báo cáo mới công bố phần 1. Phần 2 của báo cáo với chủ đề “Hội nhập kinh tế quốc tế vì mục tiêu phát triển con người” chưa được xuất bản).

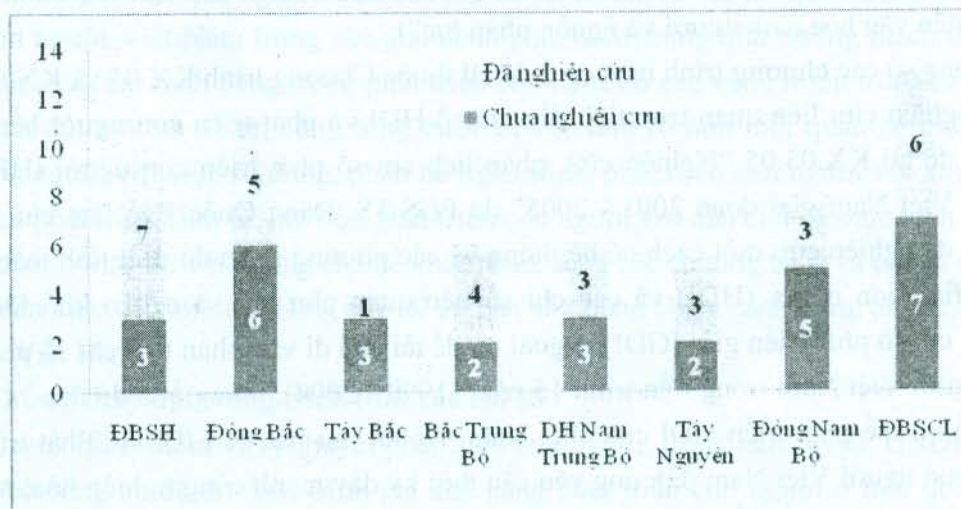
<sup>7</sup> Hà Tây sáp nhập vào Hà Nội năm 2008. Vì vậy, báo cáo năm 2006 có 64 tỉnh thành, đến năm 2008 chỉ còn 63 tỉnh/thành.



huấn về phương pháp tiếp cận và tính toán chỉ số HDI năm 2002<sup>8</sup> cho cán bộ các tỉnh/thành, đã có những tác động tích cực đến quan niệm và hành động của các địa phương trong xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều tỉnh thành đã tiến hành nghiên cứu, tính toán chỉ số phát triển con người cấp địa phương. Cách tiếp cận, tính toán chỉ số phát triển con người của các địa phương được áp dụng dựa trên phương pháp luận và cách tính toán mà *Báo cáo phát triển con người Việt Nam năm 2001* đã thực hiện theo UNDP. So với báo cáo phát triển con người cấp quốc gia, các công trình nghiên cứu và tính toán chỉ số phát triển con người cấp địa phương còn một số hạn chế, song ít nhiều các công trình này cũng cho thấy một bức tranh rõ nét hơn về thực trạng phát triển con người ở từng địa phương. Qua kết quả nghiên cứu, tính toán về phát triển con người, nhiều địa phương đã có những điều chỉnh trong chiến lược, kế hoạch phát triển của địa phương để hướng đến mục tiêu phát triển vì con người.

Tính đến nay đã có 32 tỉnh/thành<sup>9</sup> nghiên cứu, tính toán chỉ số phát triển con người cấp tỉnh<sup>10</sup>.

**Hình 2: Số các tỉnh thành đã thực hiện nghiên cứu, tính toán HDI**



Nguồn: Viện Nghiên cứu Con người (2008). *Nhiệm vụ cấp Viện: "Tình hình nghiên cứu phát triển con người đến năm 2007"*, tr.58 và thông tin được tác giả cập nhật.

<sup>8</sup> Tập huấn về phương pháp tiếp cận và cách tính toán chỉ số phát triển con người cho cán bộ các tỉnh thành trong cả nước (cán bộ của UBND tỉnh, Ban tuyên giáo tỉnh, Sở KHCN-MT, Sở Giáo dục và đào tạo, Cục Thống kê).

<sup>9</sup> 32 tỉnh/thành gồm: Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Vĩnh Phúc, Nam Hà, Thái Bình, Ninh Bình, Quảng Ninh, Hà Giang, Cao Bằng, Yên Bái, Hòa Bình, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hòa, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng, Tp. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Tây Ninh, Vĩnh Long, Kiên Giang, Tiền Giang, An Giang, Bến Tre, Bạc Liêu. (Ngoài ra, Hà Tây khi chưa sáp nhập vào Hà Nội cũng có nghiên cứu về phát triển con người).

<sup>10</sup> Từ năm 2008 trở lại đây, xu hướng nghiên cứu, tính toán HDI ở cấp địa phương ít được quan tâm hơn.



Trong các vùng ở nước ta thì ĐBSH, Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên là các vùng có số tỉnh tham gia nghiên cứu, xây dựng báo cáo phát triển con người cao nhất. Tuy nhiên, cũng từ năm 2008 đến nay, tình hình nghiên cứu và tính toán chỉ số phát triển con người không còn nhận được sự quan tâm nhiều của các địa phương.

### **3.2. Nghiên cứu về phát triển con người**

Tính từ năm 1991 đến nay, có 5 chương trình khoa học cấp Nhà nước trực tiếp nghiên cứu về con người và phát triển con người ở nước ta. Trong đó, có 3 chương trình do GS.VS. Phạm Minh Hạc làm chủ nhiệm (KX.07 (1991-1995), “Con người là mục tiêu và động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội”; KHXH-04 (1996-2000), “Phát triển văn hóa, xây dựng con người trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”; KX.05 (2001-2005), “Phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”), một chương trình do GS.TS. Dương Phú Hiệp làm chủ nhiệm (KX.03 (2006-2010), “Xây dựng con người và phát triển văn hóa Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế”), và một chương trình do PGS.TS. Mai Quỳnh Nam làm chủ nhiệm (KX.03 (2011-2015), “Nghiên cứu khoa học phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực”).

Trong số các chương trình này, có 2 đề tài thuộc Chương trình KX.05 và KX.03 triển khai nghiên cứu liên quan trực tiếp đến chỉ số HDI và phát triển con người bền vững. Đó là đề tài KX.05.05 “Nghiên cứu, phân tích chỉ số phát triển con người (HDI) của người Việt Nam giai đoạn 2001 - 2005” do PGS.TS. Đặng Quốc Bảo làm chủ nhiệm. Đề tài đã nghiên cứu một cách có hệ thống về các phương pháp đo đạc, tính toán chỉ số phát triển con người (HDI) và các chỉ số liên quan như chỉ số nghèo khổ tổng hợp (HPI), chỉ số phát triển giới (GDI). Ngoài ra, đề tài còn đi vào phân tích chỉ số phát triển con người Việt Nam trong tiến trình 15 năm (1990 - 2004), thông qua đó đưa ra các dự báo về xu thế phát triển HDI của Việt Nam. Đề tài thứ hai, KX.03/08 “Phát triển bền vững con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế” do TS. Đào Thị Minh Hương làm chủ nhiệm, đang được triển khai gồm 3 mục tiêu chính: Luận giải khái niệm và quan hệ phát triển bền vững với phát triển con người và phát triển bền vững con người; Hệ thống quan điểm, thực tiễn áp dụng lý luận phát triển bền vững con người ở một số quốc gia trên thế giới và cơ sở lý luận về phát triển bền vững con người Việt Nam trong điều kiện đổi mới và hội nhập quốc tế; Đánh giá thực trạng phát triển bền vững con người Việt Nam và đề xuất định hướng, giải pháp phát triển bền vững con người Việt Nam đến năm 2020.

Với mục tiêu làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển con người Việt Nam, trong những năm gần đây, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam đã giao cho Viện Nghiên cứu Con người thực hiện một số Chương trình cấp Bộ như: “Một số vấn đề cơ



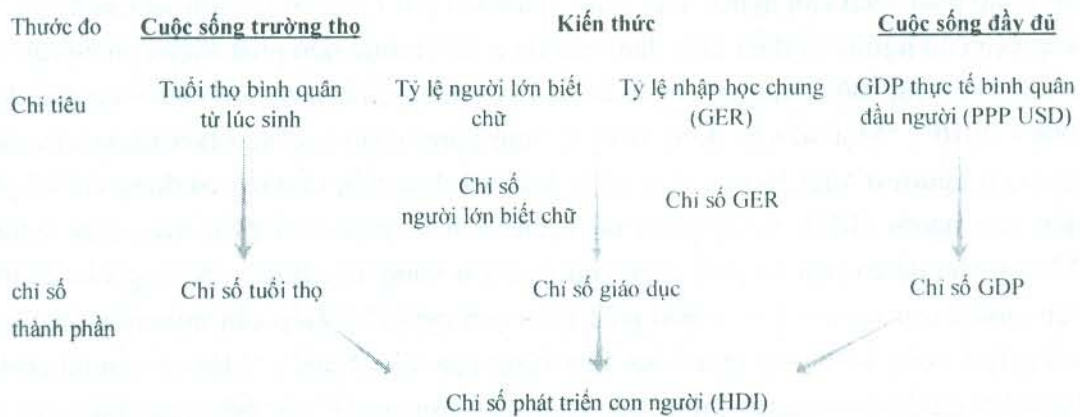
bản trong phát triển con người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020”, “Một số vấn đề cơ bản về quyền con người và điều kiện đảm bảo thực thi vì mục tiêu phát triển con người”; và hệ các đề tài cấp Bộ: “Những vấn đề cơ bản về phát triển con người Việt Nam giai đoạn 2006 - 2010”, “Một số vấn đề lý luận và ứng dụng nhân học văn hóa trong việc phát triển con người ở Việt Nam”, “Cơ sở lý luận và thực tiễn về việc sử dụng chỉ số phát triển con người (HDI) trong phân bổ ngân sách vì mục tiêu phát triển con người”, “Những vấn đề cơ bản về phát triển con người ở vùng Tây Bắc”, “Những vấn đề thực hiện quyền con người vì mục tiêu phát triển con người”, “Tiếp cận mục tiêu phát triển con người trong kế hoạch phát triển bền vững của Việt Nam”, “Một số vấn đề cơ bản thực hiện quyền con người vì mục tiêu phát triển con người” và “Nâng cao hiệu quả của việc thực hiện dân chủ cơ sở và sự tham gia của người dân vì mục tiêu phát triển con người ở Việt Nam hiện nay”, “Phát triển con người: từ quan niệm đến hành động của cán bộ địa phương các cấp”, “Những giải pháp nâng cao vai trò chủ thể của người dân trong đời sống văn hóa cộng đồng vì mục tiêu phát triển con người ở nước ta giai đoạn 2011 - 2020”,... Kết quả nghiên cứu của các đề tài đã chỉ ra vai trò quan trọng của phát triển con người Việt Nam trong các giai đoạn phát triển, cũng như những thách thức và sự chênh lệch, bất bình đẳng trong phát triển con người ở các vùng miền trong cả nước. Bên cạnh đó, một số đề tài cũng từng bước đi vào làm rõ hơn mối quan hệ giữa phát triển con người với việc sử dụng, phân bổ ngân sách; phát triển con người với xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; phát triển con người với dân chủ và thực hiện quyền con người;... Mặc dù với những chủ đề khác nhau, song các chương trình và các đề tài đều hướng đến mục tiêu làm rõ những vấn đề cơ bản và những chiều cạnh trong phát triển con người ở Việt Nam.

#### **4. Những thay đổi trong cách tính các chỉ số**

Bên cạnh quan điểm và lý thuyết phát triển con người, trong năm 1990, UNDP cũng đưa ra bộ công cụ để đo đạc, đánh giá khả năng phát triển con người ở mỗi quốc gia, vùng lãnh thổ hay địa phương. Đó là, chỉ số phát triển con người (HDI - Human Development Index) để đo đạc những khía cạnh cơ bản của năng lực con người. Thông qua đó có thể xếp hạng trình độ phát triển con người của từng vùng, lãnh thổ hay từng quốc gia. Hệ tiêu chí được UNDP đưa ra để đo đạc, đánh giá gồm hàng loạt các chỉ số thành phần phản ánh chất lượng sống, năng lực sinh thể và năng lực tinh thần của con người. Cụ thể ở đây được phản ánh thông qua ba chỉ số cơ bản: chỉ số kinh tế, chỉ số giáo dục và chỉ số tuổi thọ.

Trong thời gian từ năm 1990 đến năm 2009, khi tính toán trình độ phát triển con người (chỉ số HDI), UNDP dựa trên các chỉ tiêu và các chỉ số thành phần liên quan đến tuổi thọ, giáo dục và thu nhập, thể hiện ở sơ đồ dưới đây:





Tuy nhiên, sau 20 năm thực hiện báo cáo phát triển con người, các chuyên gia của UNDP đã nhận ra một số hạn chế trong cách tính cũng như sử dụng các chỉ tiêu để đánh giá trình độ phát triển con người. Vì vậy, đến năm 2010 đã có một số điều chỉnh trong cách tính và sử dụng các chỉ tiêu đánh giá.



So với những năm trước, cách tính chỉ số HDI thay đổi ở thước đo về kiến thức và mức sống. Ở thước đo về kiến thức, chỉ tiêu số năm đi học trung bình và số năm học dự kiến thay cho tỷ lệ người lớn biết chữ và tỷ lệ nhập học chung. Còn ở thước đo mức sống hợp lý, chỉ tiêu GNI/đầu người thay cho GDP/đầu người. Việc thay đổi các chỉ tiêu này cho phép đánh giá khả năng phát triển con người của mỗi quốc gia hay mỗi cộng đồng sát thực hơn. Bên cạnh đó, cách tính HDI cũng được thay đổi từ trung bình cộng của ba chỉ số (tuổi thọ, giáo dục và kinh tế) sang trung bình nhân.

Cùng nằm trong mục tiêu không ngừng hoàn thiện bộ công cụ đo đạc chỉ số HDI và các chỉ số liên quan, trong năm 2010, UNDP còn bổ sung thêm ba chỉ số mới (IHDI, GII, MPI) trong báo cáo phát triển con người nhằm thể hiện những khía cạnh quan trọng của sự phân bổ an sinh xã hội. Đó là bất bình đẳng trong phát triển con người, bình đẳng



giới và nghèo đói đa chiều. Với ba chỉ số mới cho phép tiếp cận được nhiều số liệu phong phú hơn, phản ánh được nhiều khía cạnh hơn trong phát triển con người.

### **5. Một số đề xuất cho nghiên cứu phát triển con người ở Việt Nam**

Điềm qua xu hướng nghiên cứu phát triển con người trên thế giới và Việt Nam cho thấy, vấn đề nghiên cứu phát triển con người ngày càng được quan tâm. Đối với nước ta, nghiên cứu phát triển con người trong thời gian tới cần tập trung vào những vấn đề sau:

Xây dựng báo cáo phát triển con người quốc gia hàng năm hoặc hai năm một lần. Việc xây dựng báo cáo phát triển con người định kỳ sẽ giúp cho các nhà hoạch định chính sách và xây dựng chính sách nắm bắt được thực trạng phát triển, qua đó có sự điều chỉnh hợp lý trong chính sách phát triển. Trong báo cáo phát triển con người quốc gia nên xây dựng bản đồ phát triển con người. Qua bản đồ phát triển con người sẽ biết được những vùng nào, địa phương nào còn hạn chế trong khả năng phát triển con người và đó là những điểm hạn chế nào? Từ đó có sự phân bổ ngân sách và đầu tư hợp lý vào các chiều cạnh đó để nâng cao khả năng phát triển con người.

Mặc dù, HDI được coi là bộ công cụ hữu hiệu trong đánh giá khả năng phát triển con người, song trong nó vẫn có những điểm khuyết. Đó là việc chưa phản ánh được chất lượng của các chiều cạnh phát triển như chăm sóc sức khỏe hay giáo dục. Vì vậy, cần phải có các hướng nghiên cứu sâu đánh giá về mối quan hệ giữa chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe và chất lượng giáo dục đối với phát triển con người.

Cần tập trung nghiên cứu, phân tích có hệ thống những tác động của việc thay đổi các chính sách, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn phát triển của đất nước để tìm hiểu sự ảnh hưởng đến phát triển con người ở nước ta. Hướng nghiên cứu này sẽ cho thấy những thay đổi trong chính sách, chiến lược phát triển có ảnh hưởng như thế nào đến phát triển con người.

Nghiên cứu phát triển bền vững con người cũng là một hướng cần được quan tâm, đầu tư trong thời gian tới. Mặc dù hiện tại, vấn đề này đang được nghiên cứu trong một đề tài cấp nhà nước, nhưng không vì thế mà trong giai đoạn tới không tập trung vào hướng nghiên cứu này. Trong phần nghiên cứu này nên tập trung vào phân tích kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới trong việc phát triển bền vững con người.

Nghiên cứu về mối quan hệ giữa chỉ số phát triển con người với các chỉ số khác như: quyền con người, an ninh con người, quản trị hành chính công (papi), chỉ số bất bình đẳng,... Từ kết quả nghiên cứu này sẽ cho thấy những ưu điểm và hạn chế trong phát triển con người nhìn từ các chỉ số.



### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2007), *Báo cáo tổng kết năm 2007*.
2. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2008), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội 2008*.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), Ban Chấp hành Trung ương, Ban tổng kết chỉ đạo lý luận, *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986-2006)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 51 (1991)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. Hồ Sĩ Quý (2007), *Con người và phát triển con người*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
11. Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn Quốc gia (2001), *Báo cáo phát triển con người Việt Nam 2001*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
12. UDNP (1990-2013), *Human Development Report*, New York Oxford University Press.
13. Viện Khoa học xã hội Việt Nam (2006), *Phát triển con người Việt Nam 1999-2004: Những thay đổi và xu hướng chủ yếu*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
14. Viện Khoa học xã hội Việt Nam (2012), *Phát triển con người Việt Nam năm 2011*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
15. <http://www.chinhphu.vn> (Website: Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam)
16. <http://www.gso.gov.vn> (Website: Tổng cục Thống kê).
17. <http://www.moet.gov.vn> (Website: Bộ Giáo dục và Đào tạo).
18. <http://www.moh.gov.vn> (Website: Bộ Y tế).
19. <http://www.molisa.gov.vn> (Website: Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội).
20. <http://www.mpi.gov.vn> (Website: Bộ Kế hoạch đầu tư).